

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo.

2. Ông Nguyễn Đức Chung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố E, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố E, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2025, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà N) trình bày:

Bà N và ông Đ là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 12/9/2001.

Trong thời gian chung sống, hai bên bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông Đ thường xuyên đi uống rượu về cãi vã, đánh đập vợ. Đến tháng 3/2025 thì hai bên không còn sống chung với nhau, bà N về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện tại bà N nhận thấy mình không còn tình cảm gì với ông Đ. Vì vậy, bà N làm đơn xin ly hôn với ông Đ.

- Về hôn nhân: Bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 18/09/1999 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/11/2003. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà N không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Nguyễn Văn Đ biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do:*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc N khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ về việc ly hôn. Ông Đ có nơi cư trú tại khu phố E, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Bà N có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông Đ theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ chung sống với nhau từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 12/9/2001. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà N cho rằng bà và ông Đ thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, ông Đ thường xuyên đi uống rượu về cãi vã, đánh đập vợ, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau được nữa. Từ tháng 3/2025 bà N và ông Đ không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà N làm đơn xin ly hôn với ông Đ. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà N thì Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Đ nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Đ vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông Đ không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án có tiến hành xác minh người nhà của ông Đ thì được biết ông Đ thường xuyên say xỉn, chửi bới vợ con, mặc dù gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững, thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông Đ không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 18/09/1999 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/11/2003. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc N đối với ông Nguyễn Văn Đ về việc “ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Trần Thị Ngọc N chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0006719 ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh